

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 490/2024/DS-ST

Ngày: 16-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 564/2023/DSST ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S); Địa chỉ trụ sở: Số X đường Nguyễn D, phường Bến T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Người đại diện hợp pháp: Bà Vương Tú H; Địa chỉ: đường V, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Vũ Huyền T; Địa chỉ: Số X đường Q, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) có người đại diện hợp pháp bà Vương Tú H trình bày:

Ngày 26/11/2022, Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) và bà Vũ Huyền T đã ký Hợp đồng cầm cố số QTM221101001NA22X với các nội dung

sau: Công ty TNHH S đã giải ngân cho bà Vũ Huyền T số tiền cầm cố 39.600.000 đồng. Nguyên đơn đã giải ngân đủ số tiền cầm cố cho bà T theo phiếu thu chi do bà T ký.

Công ty TNHH S nhận đảm bảo với tài sản cầm cố là chiếc xe máy Honda SH Mode mang biển số 59V3-575.37, thuộc sở hữu của bà Vũ Huyền T, theo Hợp đồng cầm cố số QTM221101001NA22X, được đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên hệ thống Đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia. Sau khi ký hợp đồng, bà T đã bàn giao giấy chứng nhận đăng ký xe bản gốc cùng chiếc xe Honda SH Mode cho nguyên đơn.

Ngoài ra, phía bị đơn bà T đã có đơn gửi Công ty TNHH S xin mượn lại chiếc xe mang biển số 59V3-575.37 đã được cầm cố trong thời hạn một tháng từ ngày 26/11/2022 đến hết ngày 26/12/2022 và phía nguyên đơn đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho bà T mượn lại.

Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số QTM221101001NA2X ngày 26/11/2022; thời hạn cầm cố là 24 tháng, kể từ ngày 26/11/2022 đến ngày 26/11/2024; lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế; nếu thanh toán quá hạn sẽ chịu mức lãi suất 150% trên lãi suất cố định; phí quản lý hồ sơ là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn 3%/tháng trên số tiền cầm cố ban đầu là 1.188.000 đồng/tháng. Khi bị đơn thanh toán đúng hạn thì phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 2%/tháng trên số tiền cầm cố ban đầu là 792.000 đồng/tháng.

Tuy nhiên, kể từ ngày nhận tiền bà T chỉ đóng tiền 02 lần cho nguyên đơn, cụ thể:

Lần một vào ngày 27/12/2022 (trễ 01 ngày kỳ 01), số tiền 2.793.000 đồng, trong đó: tiền lãi 435.600 đồng, phí quản lý hồ sơ 198.000 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 792.000 đồng, tiền gốc 1.367.400 đồng.

Lần hai vào ngày 25/02/2023, số tiền 6.400.000 đồng (của hai kỳ trả nợ), trong đó:

Kỳ 02: tiền lãi quá hạn (trễ 30 ngày bà T mới thanh toán) 630.838 đồng, phí quản lý hồ sơ 191.163 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 1.188.000 đồng, tiền gốc 1.388.294 đồng;

Kỳ 03: tiền lãi 405.287 đồng, phí quản lý hồ sơ 184.222 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe 792.000 đồng, tiền gốc 1.410.507 đồng;

Còn lại 209.689 đồng nguyên đơn trừ vào tiền gốc của kỳ 04.

Từ ngày 25/02/2023 đến nay (trễ 338 ngày), bà T không thanh toán tiếp cho nguyên đơn, nguyên đơn không còn liên hệ được với bà T.

Bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận, nguyên đơn liên hệ nhiều lần bà T vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 27/02/2024 số tiền dư nợ gốc, lãi và toàn bộ phí để thanh lý hợp đồng của

bà T là 61.033.625 đồng, cụ thể: tiền gốc 35.224.110 đồng, tiền lãi quá hạn 6.974.376 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 14.256.000 đồng, phí quản lý hồ sơ 2.113.452 đồng, phí trả nợ trước hạn 2.465.687 đồng.

Chiếc xe Honda SH Mode mang biển số 59V3-575.37 mà bà T đã cầm cố cho Công ty TNHH S, sau đó bà T mượn lại trong thời hạn một tháng (từ ngày 26/11/2022 cho hết ngày 26/12/2022), nay đã quá hạn một năm nhưng bà T chưa trả lại tài sản cầm cố.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Vũ Huyền T có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc, lãi và phí thông qua hợp đồng cầm cố tài sản là 61.033.625 đồng cho nguyên đơn. Nếu bà T không thanh toán đủ số nợ thì bà T vẫn phải tiếp tục chi trả các phí phát sinh theo khoản 2 điều 4 mục 2 của hợp đồng cầm cố và khoản 2 của giấy mượn xe cho đến khi trả xong nợ. Khi bà T trả hết nợ, nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe bản gốc cho bà T. Nếu không thanh toán đủ số tiền trên thì buộc bà T phải xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe Honda SH Mode biển số 59V3-575.37 để thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố.

Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải (02 lần); Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đối với bị đơn là bà T nhưng bà T đều vắng mặt, không có lý do.

Do bà T vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồng yêu cầu bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 16/7/2024 là 44.329.542 đồng, trong đó: tiền gốc 35.224.110 đồng, tiền lãi 6.070.288 đồng, tiền lãi quá hạn 3.035.144 đồng.

Nếu bà T không thanh toán đủ số nợ thì bà T vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bà T không trả được nợ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố chiếc xe Honda SH Mode biển số 59V3-575.37 để thu hồi nợ.

Bà T trả hết nợ nguyên đơn trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà T.

Nguyên đơn rút yêu cầu về việc yêu cầu bà T trả: phí quản lý hồ sơ 2.113.452 đồng, phí trả nợ trước hạn 2.465.687 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 19.008.000 đồng.

Bị đơn bà T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T trả: phí quản lý hồ sơ 2.113.452 đồng, phí trả nợ trước hạn 2.465.687 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 19.008.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) khởi kiện bà Vũ Huyền T phải trả số tiền còn nợ của hợp đồng cầm cố, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” và bà T có địa chỉ tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn vắng mặt, không đến tòa, bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Công ty yêu cầu bà T thanh toán ngay số tiền nợ tính đến hết ngày 16/7/2024 là 44.329.542 đồng, trong đó: tiền gốc 35.224.110 đồng, tiền lãi 6.070.288 đồng, tiền lãi quá hạn 3.035.144 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cầm cố số QTM221101001NA22X ngày 26/11/2022 và Giấy mượn xe ngày 26/11/2022 được ký kết giữa Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) và bà T phù hợp với quy định tại Điều 309 và khoản 3 Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố số QTM221101001NA22X ngày 26/11/2022; Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 26/11/2022; Phiếu chi ngày 26/11/2022; cùng lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định Công ty đã giao bà T số tiền cầm cố 39.600.000 đồng; thời hạn cầm cố 24 tháng từ ngày 26/11/2022 đến ngày 26/11/2024; lãi suất cố định 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cầm cố. Tài sản cầm cố là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại JK011 SH, biển số đăng ký 59V3-575.37, số máy JK01E0286743, số khung RLHJK0118NZ100484, bà T đã mượn lại của nguyên đơn từ ngày 26/11/2022 theo Giấy mượn xe ngày 26/11/2022.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/4/2024, tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ bà T không có mặt, xe máy Honda loại JK011 SH biển số 59V3-575.37 không có ở địa chỉ X đường Q, Phường Y, quận G.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cổ xe, tiền lãi như thỏa thuận. Tính đến ngày 16/7/2024, bà T còn nợ là 44.329.542 đồng, trong đó: tiền gốc 35.224.110 đồng, tiền lãi 6.070.288 đồng, tiền lãi quá hạn 3.035.144 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bà T phải trả số nợ 44.329.542 đồng là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 357, 468, 494 và 499 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Nếu bà T không trả nợ nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố số QTM221101001NA22X ngày 26/11/2022; Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 26/11/2022; trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên cho nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại JK011 SH, biển số đăng ký 59V3-575.37, số máy JK01E0286743, số khung RLHJK0118NZ100484 để thu hồi nợ là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 303, Điều 304 của bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bà T trả hết nợ, Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) phải trả ngay cho bà T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 50 021480, biển số đăng ký 59V3-575.37, nhãn hiệu Honda, số loại JK011 SH, số máy

JK01E0286743, số khung RLHJK0118NZ100484 do Công an quận G cấp ngày 18/02/2022 theo quy định tại Điều 316 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Công ty yêu cầu bà T phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/7/2024 trên số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà T trả phí quản lý hồ sơ 2.113.452 đồng, phí trả nợ trước hạn 2.465.687 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 19.008.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.216.477 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 1.158.088 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Điều 94, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 303, 304, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 357, 468, 494 và 499 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Vũ Huyền T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) số nợ tính đến ngày 16/7/2024 tổng cộng là 44.329.542 đồng, trong đó: tiền gốc 35.224.110 đồng, tiền lãi 6.070.288 đồng, tiền lãi quá hạn 3.035.144 đồng; theo Hợp đồng cầm cố số QTM221101001NA2X ngày 26/11/2022; ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số QTM221101001NA2X ngày 26/11/2022.

Trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda, số loại JK011 SH, biển số đăng ký 59V3-575.37, số máy JK01E0286743, số khung RLHJK0118NZ100484 để thu hồi nợ.

Trường hợp bà T trả hết nợ, Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) phải trả ngay cho bà T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 50 021480, biển số đăng ký 59V3-575.37, nhãn hiệu Honda, số loại JK011 SH, số máy JK01E0286743, số khung RLHJK0118NZ100484 do Công an quận G cấp ngày 18/02/2022.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu bà T trả phí quản lý hồ sơ 2.113.452 đồng, phí trả nợ trước hạn 2.465.687 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 19.008.000 đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà T phải trả cho Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) 3.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Huyền T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.216.477 đồng.

Trả lại cho Công ty Cổ phần S (tên cũ Công ty TNHH S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.158.088 đồng theo Biên lai thu số 0012578 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**